

## PHẦN 3

### VĂN HÓA DÂN TỘC VIỆT NAM

1) Định nghĩa "Văn hóa".	2
2) Tại sao đặt nhu cầu duy trì văn hóa dân tộc .	3
3) Các giá trị truyền thống .	6
4) Văn hóa và ngôn ngữ .	10
5) Phương pháp duy trì và bảo tồn .	12
Trong sinh hoạt Hướng Đạo.	



# VĂN HÓA DÂN TỘC VIỆT NAM

Hiến Chương Hướng Đạo Việt Nam được biểu quyết tại Hội nghị Costa Mesa ngày 3 tháng 7 năm 1983 đặt nền tảng cho việc tổ chức hệ thống các đơn vị Hướng Đạo Việt Nam tại hải ngoại đã qui định như sau về nhiệm vụ cơ bản của Hướng Đạo Việt Nam trước tình thế mới được đặt ra: *"Hướng Đạo Việt Nam mang bản sắc dân tộc, đáp ứng với nhu cầu hiện tại là duy trì truyền thống tinh thần và văn hóa dân tộc."*

Theo tinh thần của Hiến chương Costa Mesa, do hoàn cảnh lịch sử, một số lớn đơn vị Hướng Đạo Việt Nam sẽ được thành lập và hoạt động tại nhiều nước trên thế giới, trong những môi trường văn hoá - xã hội xa lạ, ngoài đất nước Việt Nam; trước tình hình mới này, nhiệm vụ chủ yếu được trao cho các đơn vị hướng đạo thuộc Phong trào Hướng Đạo Việt Nam là bảo vệ và duy trì truyền thống tinh thần và văn hoá Việt Nam nơi trẻ em Việt Nam tại hải ngoại.

## 1) Định nghĩa "văn hoá"

Trước khi bàn về nhiệm vụ bảo vệ và duy trì văn hoá Việt Nam, cần nói rõ chúng ta hiểu *văn hoá* là gì? Năm 1952, Alfred L. Kroeber và Clyde Kluckhohn<sup>1</sup> liệt kê đến 160 định nghĩa khác nhau của "văn hoá".

Trong số rất nhiều những nghĩa khác nhau có thể hiểu qua danh từ "văn hoá", chúng ta thử tập trung một số đặc trưng có thể làm căn cứ cho những suy nghĩ của chúng ta sau này.

Trên phương diện xã hội học, văn hoá là *"những gì chung cho một nhóm người và có tác dụng kết hợp những người trong nhóm với nhau"*. Theo cơ quan UNESCO, *"trong định nghĩa rộng nhất, văn hoá được xem là toàn bộ những nét đặc thù, trên mặt tinh thần, vật chất, trí tuệ, tình cảm, của một xã hội hay một nhóm người. Văn hoá bao gồm văn chương, nghệ thuật, lối sống, các quyền căn bản của con người, các hệ thống giá trị, các truyền thống và tín ngưỡng"*. Di sản chung này có thể biến chuyển theo thời gian, qua những giao lưu giữa

---

<sup>1</sup> Alfred L. Kroeber & Clyde Kluckhohn, *Culture. A Critical Review of Concepts and Definitions*, Cambridge, 1952.

những nền văn hoá khác nhau; nó đưa đến những cung cách cư xử, suy nghĩ, hành động đặc biệt cho một nhóm người.

Một định nghĩa khác của nhà nhân chủng học người Anh Edward Burnett Tylor từ cuối thế kỷ 19 vẫn còn giữ nguyên giá trị, không khác lắm với những gì đã nói trên đây: văn hoá là *"một tập hợp đa dạng gồm những kiến thức, tín ngưỡng, nghệ thuật, luật lệ, cách cư xử, cùng với mọi kỹ năng và thói quen mà con người hấp thụ khi sống trong một xã hội"*<sup>2</sup>.

Văn hóa theo nghĩa đó bao gồm ngôn ngữ, tư tưởng, thói quen, nếp sống, các tập tục, lễ nghi, sinh hoạt nghệ thuật, các định chế xã hội, dụng cụ sinh sống... được chia sẻ trong một cộng đồng. Nói một cách khác, văn hóa bao gồm cách suy nghĩ, cảm nhận, cách hành động được ít nhiều qui tắc hoá, được truyền từ thế hệ này qua thế hệ khác trong một cộng đồng xã hội, trở thành những đặc điểm của cộng đồng đó, khiến cho một tập thể này khác biệt với một tập thể khác.

Di sản văn hoá được truyền từ thế hệ này qua thế hệ khác do sự học hỏi, do những sự giao tiếp, do thói quen khi sống trong môi trường xã hội. Như vậy, khác với những đặc tính di truyền bẩm sinh, nghĩa là đã có sẵn khi sinh ra, văn hoá cần phải có một quá trình để tiếp thu.

Việc tiếp thu này tất nhiên dễ dàng và tự nhiên hơn khi con người sống trong môi trường xã hội tự nhiên của mình. Trong trường hợp phải định cư, sinh sống một nơi khác, ngoài quê hương của mình, quá trình tiếp thu khó khăn hơn, đòi hỏi những cố gắng đặc biệt, lớn lao hơn. Đó là trường hợp của Hường Đạo Việt Nam tại hải ngoại.

## **2) Tại sao đặt nhu cầu duy trì văn hóa dân tộc?**

Nhiệm vụ bảo vệ và duy trì văn hoá Việt Nam không đặt ra cho Hường Đạo Việt Nam khi mà Hường Đạo Việt Nam còn hoạt động trong nước. Khi đó, vì sống trong môi trường Việt Nam, việc tiếp thu văn hoá Việt Nam là một điều tự nhiên khi sống trong gia đình, không có những tiếp xúc tại học đường hay ngoài xã hội. Những truyền thống, tập tục, thói quen, cách cư xử được tiếp thu, thấm vào con người một cách tự nhiên mà không cần có một cố gắng đặc biệt nào.

---

<sup>2</sup> Edward Burnett Tylor, *Primitive Culture*, 1871. Cambridge University Press tái bản năm 2010.

Nhưng khi sống ở một quốc gia khác, trẻ em dễ dàng tiếp thu văn hoá của nước định cư, vì các tiếp xúc với môi trường học đường, với xã hội chiếm ưu thế rất rõ so với môi trường gia đình. Ngay trong trường hợp cha mẹ lo lắng muốn cho con giữ lại bản chất Việt Nam, không quên tiếng Việt, nên lưu tâm đến giáo dục của gia đình, giúp cho trẻ khi ở nhà được tiếp xúc thường xuyên với các giá trị cổ truyền của văn hoá Việt Nam, nhưng thường ảnh hưởng của gia đình không cạnh tranh nổi với ảnh hưởng của môi trường học đường và xã hội. Lần lần đứa trẻ cảm thấy gần gũi hơn với nền văn hoá mới, quen thuộc với những biểu hiện của nền văn hoá nước định cư qua lối sống, cách ăn mặc, giải trí... lần lần xa lạ với nền văn hoá của xứ sở nguồn gốc của mình. Chúng ta sẽ có những đứa trẻ tuy có nguồn gốc Việt Nam, có cha mẹ, tổ tiên là Việt Nam, có hình dáng bề ngoài là những đứa trẻ Việt Nam, nhưng hấp thụ một nền giáo dục hoàn toàn như những đứa trẻ ngoại quốc, có lối sống, cách cư xử, suy nghĩ như những đứa trẻ ngoại quốc, hoàn toàn xa lạ với nguồn gốc của mình.

Có thể đối với một số người, tình trạng này không có gì đáng bận tâm, vì phải chăng mục đích quan trọng nhất của một đứa trẻ khi sống trên một đất nước là hội nhập thành công vào xã hội mới, thành công trên đường học vấn, và sau này có nghề nghiệp vững vàng, có một chỗ đứng xứng đáng trong xã hội? Để tiến tới mục đích này, giữ lại những giá trị cổ truyền không có lợi ích thực tiễn nào, cố gắng tập nói và viết tiếng Việt chỉ làm xao lãng thời gian quý báu cần dành cho những môn học cần thiết hơn... Quan điểm này có thể gặp ở một số phụ huynh, dù rằng ta có thể hy vọng đó chỉ là một thiểu số nào đó.

Lập luận này cũng có thể nêu lên cho trường hợp Hướng Đạo Việt Nam như đây đó đã có thể nghe: Hướng Đạo Việt Nam chỉ cần theo đúng chương trình sinh hoạt của Hội Hướng Đạo bản xứ, vì mục đích của hướng đạo là giáo dục công dân, chuẩn bị cho trẻ em trở thành công dân tích cực của xã hội đang sống; chương trình sinh hoạt của Hội Hướng Đạo bản xứ thích hợp cho mọi sắc dân sống; dùng tiếng ngoại quốc trong sinh hoạt hướng đạo là điều tự nhiên và thích hợp, trẻ em tiếp thu nhanh hơn và dễ dàng hơn, như vậy vừa tiện cho các em lẫn cho Trường; Hướng Đạo Việt Nam không phải là một lớp Việt ngữ có nhiệm vụ dạy tiếng Việt... Nói một cách khác, thì nếu ở Hoa Kỳ, các đơn vị Hướng Đạo Việt Nam chỉ cần theo đúng chương trình của Hướng Đạo Hoa Kỳ; Trường và các em dùng tiếng Mỹ trong sinh hoạt, vừa tiện lợi, vừa thoải mái cho Trường lẫn đoàn sinh. Đoàn sinh tiến bộ nhanh, đạt tới đẳng cấp cao nhất, không thua kém bất cứ một hướng đạo bản xứ nào. Sau này đoàn sinh thành công trong xã hội, có tinh thần trách nhiệm, dẫn thân, cũng tích cực

đóng góp trong công cuộc xây dựng xã hội mình đang sống. Như vậy, phải chăng hướng đạo đã hoàn thành đầy đủ nhiệm vụ của mình?

Theo chủ trương này, chúng ta chấp nhận có những trẻ em tuy là thuộc gia đình Việt Nam, có nguồn gốc Việt Nam, nhưng lần lần quên hết tiếng mẹ đẻ của mình, quên hết nguồn gốc, tổ tiên, sau này lớn lên, tuy bề ngoài có dáng vóc của một người Việt Nam, một người Á Đông da vàng, nhưng nói năng, cư xử hoàn toàn như một người bản xứ, không còn biết gì đến xứ sở của cha mẹ mình, hoàn toàn thờ ơ, xa lạ với nguồn gốc, quê hương của mình, nghĩa là một con người hoàn toàn *mất gốc*. Cũng có thể có người quan niệm rằng điều này không có gì quan trọng, miễn là thành công trong xã hội, có một cuộc sống sung túc, thì mục đích của cuộc đời cũng đã đạt được.

Nhưng Hướng Đạo Việt Nam quan niệm là mục đích giáo dục của hướng đạo là phát triển toàn diện các khả năng của con người trên các mặt tinh thần, trí tuệ, thể chất, tính khí và xã hội. Về chủ trương *giáo dục toàn diện* này của hướng đạo, chúng ta quan niệm rằng một người mà các khả năng được phát triển toàn vẹn và hài hoà không thể nào quên nguồn gốc của mình được. Chúng ta không chủ trương sống biệt lập trong một cộng đồng sắc dân, mà chủ trương rằng cần phải hội nhập vào xã hội và đất nước mình đang sống, mức độ hội nhập càng cao càng tốt, nhưng hội nhập mà không bỏ quên nguồn gốc của mình. Chúng ta quan niệm rằng một người dù có một khả năng trí tuệ phát triển rất cao nhờ sự giáo dục ở học đường, thành công trong xã hội, nhưng chối bỏ nguồn gốc của mình, chỉ có những hiểu biết rất hạn hẹp về văn hoá của đất nước tổ tiên của mình, không phải là mẫu mực một con người mà khả năng được phát triển toàn diện và hài hoà mà chúng ta mong muốn. Trước mắt người ngoại quốc, một người dù có một khả năng trí tuệ rất cao mà thú nhận rằng mình không nói được tiếng mẹ đẻ của mình, không hiểu biết gì về nền văn hoá của quê hương cũ của mình cũng khó được kính nể và khâm phục.

Vì những lý do đó, Hướng Đạo Việt Nam theo đuổi mục đích giúp cho trẻ em Việt Nam giữ được một mối liên hệ tình cảm gắn bó với văn hoá nguồn gốc của mình. Khi làm công việc này, Hướng Đạo Việt Nam cũng chỉ giữ một vai trò giáo dục bổ túc cho nền giáo dục mà trẻ nhận được ở học đường, ở gia đình và ngoài xã hội. Vai trò này trở thành đặc biệt quan trọng trong hoàn cảnh hiện nay, khi mà học đường không quan tâm đến việc truyền đạt

cho mỗi học sinh những hiểu biết căn bản về nền văn hoá nguồn gốc của mỗi người, còn phụ huynh thì nhiều khi không đủ thời giờ và phương tiện để làm công việc này.

### 3) Các giá trị truyền thống

Văn hóa có thể được định nghĩa như là tổng hợp những kiến thức, tín ngưỡng, cách cư xử của một tập thể. Những đặc điểm trong lối suy nghĩ, cảm nhận, hành động, của một tập thể không phải đương nhiên mà có, nhưng là kết quả của một quá trình lâu dài, là hậu quả của những điều kiện lịch sử, địa lý đặc biệt của tập thể đó. Đứng trước một số điều kiện lịch sử, địa lý có thể hơi giống nhau, nhưng cung cách đối phó, khắc phục những trở ngại, khó khăn, có thể rất khác nhau tùy theo từng tập thể. Những yếu tố này tạo thành tâm lý dân tộc, ảnh hưởng đến lối suy nghĩ, cách cư xử, sinh hoạt, và trở thành đặc điểm văn hóa.

Bàn đến đặc điểm văn hóa Việt Nam theo định nghĩa trên, chúng ta có thể kể đến rất nhiều điểm đặc thù xác định nếp sống văn hóa người Việt, nhưng trong bài này sẽ chỉ nêu lên hai đặc điểm chính yếu, nổi bật nhất, là ý chí tự chủ của người Việt Nam và tinh thần dân chủ trong xã hội Việt Nam.

- **Ý chí tự chủ** được nung đúc qua mấy ngàn năm lịch sử và một quá trình đấu tranh liên tục để giành độc lập. Có thể bắt bẻ rằng có dân tộc nào bị xâm chiếm mà không vùng lên đấu tranh, và ý chí giành độc lập đâu phải thuộc riêng gì dân tộc Việt Nam ? Điều này đúng, nhưng cũng phải nhớ đến hoàn cảnh và vị trí của nước Việt Nam là một nước nhỏ bên cạnh một nước Trung Hoa khổng lồ luôn luôn có ý định thôn tính các nước láng giềng. Trung Hoa đã đạt mục đích và đặt ách đô hộ lên Việt Nam suốt hơn một ngàn năm, từ thế kỷ thứ nhất trước Tây lịch đến thế kỷ thứ 10. Hơn mười thế kỷ đó vẫn không đủ để khuất phục dân tộc Việt Nam, và cuối cùng người Trung Hoa vẫn không thành công trong việc đồng hóa người Việt và xoá bỏ nước Việt Nam khỏi bản đồ thế giới.

Sau khi giành được độc lập, các triều đại Việt Nam kế tiếp đã phải không ngừng chống chọi những đợt xâm lăng từ phương Bắc, kể cả ba lần đánh phá quân Nguyên, một đạo quân hùng hậu vào bật nhất thế giới lúc đó, đã tiến quân xâm chiếm tận đến châu Âu. Ở vào vị trí nước Việt Nam, chưa chắc đã có nhiều dân tộc có ý chí kháng cự đủ mạnh để không bị diệt vong. Nước Trung Hoa đã từng thôn tính bao nhiêu dân tộc nhỏ : các bộ lạc sống ở phía nam sông Dương Tử đã lần lượt bị xâm lăng, đồng hóa, và lãnh thổ bị sát nhập

vào nước Trung Hoa, đến nay đã trở thành hoàn toàn người Trung Hoa. Giấc mộng xâm lăng và đồng hóa của Trung Hoa đã phải dừng lại ở biên giới Việt Nam.

Ý chí tự chủ của người Việt cũng đã thể hiện qua lòng quyết tâm duy trì tiếng nói của người Việt để tiếng Việt không bị mất trong suốt thời gian dài bị Trung Hoa đô hộ. Ban đầu tiếng Việt chỉ là một ngôn ngữ không văn tự, chỉ có thể nói mà không viết ra được. Dần dà, ông cha chúng ta đã vay mượn chữ Hán để dựa vào đó sáng chế một thứ chữ cho mình để ghi chép, để rồi có một nền văn chương riêng bằng chữ nôm.

Việt Nam chịu sự đô hộ của Trung Hoa kể từ năm 111 trước Công nguyên cho đến tận thế kỷ thứ 10. Do một sự trùng hợp của lịch sử, cũng gần như vào lúc Việt Nam bắt đầu bị đặt dưới ách đô hộ của Trung Hoa, thì vào khoảng năm 120 trước C.N., La Mã xua quân chiếm miền Nam nước Pháp bây giờ. Đế quốc La Mã sau đó thôn tính toàn bộ lãnh thổ nước Gaule và đặt nền đô hộ cho đến thế kỷ thứ 4, nghĩa là trong 5 thế kỷ. Trong khi đó, Việt Nam còn bị đô hộ thêm 5 thế kỷ nữa, nghĩa là thời gian bị đô hộ dài gấp hai lần. Phải chờ cho đến thế kỷ thứ 10, vào năm 939, Ngô Quyền mới giành được độc lập, chấm dứt thời kỳ Bắc thuộc lần thứ nhất.

Chỉ trong vài thế kỷ dưới sự đô hộ của La Mã, người Gaulois đã lần lần bỏ rơi ngôn ngữ của mình để chỉ dùng tiếng nói của nước cai trị là tiếng la-tinh. Thứ tiếng la-tinh dùng trong binh đội La Mã và dần dà được người Gaulois bắt chước là một thứ la-tinh bình dân, lần lần biến hóa để trở thành tiếng Pháp ngày nay. Tiếng Gaulois nguyên thủy đã biến mất hẳn chỉ còn để lại vồn vẹn hơn 100 từ gốc Gaulois trong ngôn ngữ Pháp ngày nay.

Sự kiện tiếng Việt còn tồn tại được sau hơn một ngàn năm dưới nền đô hộ khắc nghiệt của Trung Hoa là một sự kiện phi thường, phải được xem như là một kỳ công, bắt nguồn từ ý thức tự chủ cao độ của dân tộc Việt Nam.

- Đặc điểm thứ hai nêu lên đây là **tinh thần dân chủ**. Các ý niệm về dân chủ chỉ được phổ biến tại châu Âu từ thế kỷ XVIII; trước đó tại phương Tây cũng như phương Đông chỉ biết có chế độ quân chủ chuyên chế. Tuy vậy tại Việt Nam từ lâu, các xã đã có quyền tự trị rất cao và người dân đã có quyền bầu xã trưởng. Ngay từ đời Lý, Trần, người dân đã có quyền đề cử những viên chức của chính quyền hương thôn. Không ai không biết câu : "*Phép vua thua lệ làng*". Đã từ hàng chục thế kỷ trước, Việt Nam đã thực hiện một chính sách *địa phương tản quyền*.

Một điểm quan trọng khác là trong xã hội Việt Nam không có một giai cấp quý tộc với quyền lợi, bổng lộc cha truyền con nối và thao túng chính quyền từ đời này sang đời khác. Sở dĩ cuộc cách mạng 1789 xảy ra tại Pháp là bởi vì những bất công phát xuất từ sự hiện hữu của một giai cấp quý tộc và một giai cấp tầng lớp giàu có, nắm độc quyền chính quyền, trong khi giai cấp thứ dân không có một hy vọng nào để vươn lên. Dưới xã hội phong kiến Việt Nam, những bất công như vậy không phải là không có (ví dụ chế độ tập ấm dưới triều đại nhà Trần<sup>3</sup>), nhưng nói chung không có một giai cấp quý tộc giàu có, sống trong xa xỉ và nắm giữ độc quyền các chức vụ then chốt trong triều, gây bất mãn sâu xa cho các tầng lớp bị trị. Ngược lại, ngay kể từ thế kỷ thứ 10, qua chế độ thi cử, các triều đình Việt Nam đã tuyển chọn một cách hết sức dân chủ nhân tài trong mọi tầng lớp dân chúng để phục vụ guồng máy hành chính tại trung ương cũng như địa phương. Nhờ đó, con em những gia đình nghèo, gốc nông dân, nhưng có chí, hiếu học và có tài năng vẫn có hy vọng nắm giữ những chức vụ cao trong bộ máy chính quyền. Chế độ tuyển dụng công chức qua những cuộc thi cử công khai và công bằng, mở ra cho mọi người, chỉ mới được áp dụng một cách phổ biến trong các nền dân chủ Tây phương trong thế kỷ 20, nhưng đã được áp dụng tại Việt Nam từ mười thế kỷ trước!

Ai có thể nhận xét tính cách dân chủ của xã hội Việt Nam thời xưa hơn là chính những người Pháp sang đặt chế độ thuộc địa tại Việt Nam vào thế kỷ XIX? Những người Pháp này ngỡ rằng họ đem "ánh sáng văn minh" đến cho một dân tộc bán khai, nhưng họ đã phải kinh ngạc trước trình độ tinh tế của một xã hội được tổ chức chặt chẽ, có một nền văn minh lâu đời. Tác giả một quyển sách xuất bản vào cuối thế kỷ XIX kể lại lịch sử cuộc đô hộ Pháp tại Đông Dương đã nhận xét: "*Với một tổ chức xã hội và chính trị hết sức dân chủ như vậy, các vị hoàng đế Việt Nam không thể áp dụng một lối cai trị độc tài như người ta nói*"<sup>4</sup>. Chính tác giả này, trong một quyển sách khác, nói thêm: "*Nhìn về mặt chính trị, chính phủ nước Nam có thể được xem như là một nền quân chủ không có giai cấp quý tộc và tầng lớp, không có quốc giáo, với những định chế dân chủ và một chế độ tản quyền cao cho các xã*"<sup>5</sup>.

Chế độ thi cử tại Việt Nam chắc chắn không hoàn hảo, nhưng không thể chối cãi tính cách rất dân chủ trong cách tuyển chọn nhân tài giúp nước. Các kỳ thi hương, thi hội, thi

---

<sup>3</sup> Những nhà có quan tước, các con cháu được thừa ấm rồi sau ra làm quan. Chế độ này làm người dân phần uất nên có câu: "Con vua thì lại làm vua, con sãi nhà chùa lại quét lá đa". Chế độ này chấm dứt vào cuối thế kỷ 14.

<sup>4</sup> J.-L. de Lanessan, *La Colonisation française en Indochine*, Paris, 1895.

<sup>5</sup> *L'Indochine française*, Paris, Félix Alcan, 1889.



đình, đã được tổ chức một cách liên tục tại Việt Nam từ thế kỷ thứ X cho đến đầu thế kỷ XX mới bị thay thế bởi một hệ thống thi cử theo lối Pháp. Một truyền thống xa xưa như vậy chắc hẳn vẫn còn để lại những vết tích sâu đậm trong lối suy nghĩ, trong phản ứng của người Việt, dù là nằm sâu trong tiềm thức, giải thích được tinh thần hiếu học đặc biệt của trẻ em Việt Nam, cũng như sự quan tâm của mọi bậc cha mẹ Việt Nam trước sự học hành của con em.

Hai tác giả Pháp khác cũng vào thế kỷ XIX khi định nghĩa chế độ chính trị tại Việt Nam đã nói đến một *"nền dân chủ đại học"* (démocratie universitaire), một nhận xét xác đáng cũng là một lời ca ngợi không phải nhỏ cho một chế độ xã hội bị xem là phong kiến lạc hậu nhưng trong bản chất mang một sắc thái dân chủ hiếm có. Ngay tại nước Pháp của thế kỷ XXI, khi nhìn vào thành phần sinh viên các trường lớn đào tạo những cán bộ lãnh đạo tương lai, trong đó thành phần xuất thân từ các gia đình công nhân và nông dân chiếm một tỷ lệ thật khiêm nhường, khi nhìn thấy tại một số nước mệnh danh là "dân chủ" mà tình trạng *học tài thi lý lịch* còn tồn tại đến ngày nay, thì xã hội Việt Nam từ thời Trung cổ đã là một tiến bộ đáng kể về mặt công bằng xã hội và tinh thần dân chủ.

Ý niệm về văn hóa như đã nêu trên bao hàm một lãnh vực rộng lớn gồm nhiều mặt trong sinh hoạt vật chất và tinh thần của một tập thể. Nhưng có thể nói là tinh thần tự chủ và truyền thống dân chủ của Việt Nam là những nét độc đáo, với những sắc thái thật đặc biệt khó tìm thấy ở một dân tộc nào khác. Óc tự chủ phát xuất từ những thời xa xăm dựng nước và được tôi luyện qua một quá trình lịch sử đầy gian nan. Tổ chức chính quyền và xã hội Việt Nam trong nhiều mặt được mô phỏng theo Trung Hoa; chế độ thi cử mang tính chất dân chủ như đã thấy cũng được du nhập từ Trung Hoa. Người Việt Nam không hề chối bỏ những gì là tinh túy của một nền văn minh được công nhận là tiến bộ hơn mình, nhưng khi du nhập có biến cải, sửa đổi cho thích ứng với hoàn cảnh và nếp sống của mình. Tổ chức xã hội, hệ thống thi cử sau khi du nhập và áp dụng tại Việt Nam trong nhiều thập kỷ đã trở thành những tài sản văn hóa Việt Nam, ảnh hưởng sâu đậm trên nếp sống cũng như cung cách hành động và suy nghĩ của người Việt Nam.

#### 4) Văn hoá và ngôn ngữ

Ngôn ngữ có lẽ là phương tiện để truyền đạt văn hoá thuận tiện nhất.

Vào thế kỷ thứ 18, tiếng Pháp là tiếng nói thông dụng tại triều đình một số lớn nước châu Âu. Nhờ vậy, văn hoá Pháp được truyền bá rộng rãi tại châu Âu trong thời gian này. Thời gian về sau, khi Hoa Kỳ trở thành một nền kinh tế mạnh nhất trên thế giới, tiếng Anh biến thành một ngôn ngữ được phổ biến rộng rãi, thành một ngôn ngữ tiện lợi dùng để giao tiếp trong các giao dịch thương mại. Qua ngôn ngữ, văn hoá Hoa Kỳ được phổ biến mạnh mẽ khắp nơi, qua việc thưởng thức âm nhạc, lối ăn uống, cách ăn mặc, cách tổ chức xã hội...

Theo các nhà ngôn ngữ học Đức từ thế kỷ 19, Johann Gottfried von Herder (1744-1803), Ferdinand von Humboldt (1767-1835) và Wilhelm Maximilian Wundt (1832-1920), ngôn ngữ không phải chỉ là một thành phần của văn hoá mà là phương tiện diễn đạt trực tiếp của bản sắc dân tộc. Văn hoá được biểu hiện qua ngôn ngữ và ngôn ngữ chính là một hình thức thu hẹp lại của văn hoá.

Vì vậy, không thể nói tới việc phổ biến và duy trì văn hoá Việt Nam nơi đoàn sinh Hướng Đạo Việt Nam tại hải ngoại mà không đặt vấn đề hiểu, biết và sử dụng tiếng Việt. Chúng ta có thể dùng tiếng Anh, tiếng Pháp... để nói về lịch sử, văn hoá Việt Nam với một người ngoại quốc với mục đích giới thiệu, giải thích lịch sử và văn hoá Việt Nam. Nhưng mục đích của chúng ta không phải là "giới thiệu" hay "giảng bài" văn hoá Việt Nam cho đoàn sinh Hướng Đạo Việt Nam mà chính là giúp cho đoàn sinh lần lần quen thuộc với với các tập tục, truyền thống của dân tộc, biết quý trọng di sản văn hoá mà mình được thừa hưởng.

Như vậy, tập cho đoàn sinh quen nói tiếng Việt phải là mối lo nghĩ đầu tiên của Trường khi nói đến nhiệm vụ bảo vệ và duy trì văn hoá Việt Nam. Tất nhiên, hướng đạo không phải là một lớp dạy Việt ngữ. Nhiệm vụ của Trường không phải là chuẩn bị một số bài bản và tập cho đoàn sinh nói và viết tiếng Việt. Việc làm cho đoàn sinh quen sử dụng tiếng Việt không phải qua những bài học trong lớp mà chủ yếu là qua việc sử dụng tiếng Việt trong những sinh hoạt thường xuyên.

Việc này đòi hỏi nhiều quyết tâm và nhiều cố gắng về phía Trường, vì nhiều lúc Trường cảm thấy dùng tiếng nước bản xứ thuận tiện hơn nhiều, việc truyền đạt thông tin nhanh chóng hơn vì đoàn sinh hiểu một cách tự nhiên và nhanh hơn. Trường dùng ngoại ngữ cũng có thể cảm thấy gần gũi hơn với đoàn sinh, vì dùng cùng ngôn ngữ với giới trẻ hôm nay,

cũng có thể cảm thấy tự hào vì khả năng ngoại ngữ của mình... Nếu không có một nhận thức rõ ràng về vai trò của mình, lần lần sẽ tới tình trạng giữa Trường và đoàn sinh, và giữa đoàn sinh với nhau chỉ còn dùng ngoại ngữ trong các sinh hoạt hướng đạo.

Dùng tiếng Việt trong sinh hoạt hướng đạo đòi hỏi rất nhiều cố gắng và kiên nhẫn, nhưng đó là điều kiện thiết yếu nếu Hướng Đạo Việt Nam muốn hoàn thành nhiệm vụ bảo vệ và phát thuy văn hoá Việt Nam của mình.

Khi sử dụng tiếng Việt, cần để ý đến một số nhận xét sau đây:

Ngôn ngữ không đứng yên ở một tình trạng bất động và ở trong một tình trạng biến chuyển thường xuyên. Trong một thời gian ngắn, có những *từ*<sup>6</sup> mới xuất hiện, và những từ biến mất, không còn được dùng nữa. Tất nhiên, sau một thời gian hơn 30 năm, tiếng Việt ngày nay, ở trong nước cũng như tại hải ngoại, không còn giống hoàn toàn tiếng Việt được nói trước năm 1975. Mặt khác, do hoàn cảnh địa lý, có sự phát triển song song của tiếng Việt ở trong nước và tiếng Việt ở hải ngoại. Dù sao, tuy có những khác biệt nhưng không phải quá lớn để không thể hiểu được.

Có một việc mà chúng ta cần lưu ý, đó là hiện tượng "pha tiếng", hay là thói quen pha tiếng nước ngoài khi nói tiếng Việt. Thái độ này có thể hiểu được nếu đôi khi chúng ta cảm thấy khó khăn khi muốn tìm một từ thích hợp để diễn tả ý nghĩ của mình. Những lúc đó, có một từ ngoại quốc được cảm thấy như là đúng nhất để diễn tả ý mình muốn nói. Thay vì phải mất thời giờ tìm một cách nói khác bằng tiếng Việt, chúng ta dùng tiếng ngoại quốc để "chêm" vào câu tiếng Việt. Việc này có thể chấp nhận được, nếu nó không trở thành một thói quen, khi mà người nói chêm một số lượng rất lớn từ ngoại quốc một cách hoàn toàn không cần thiết; có khi số lượng tiếng ngoại quốc chiếm đến 30 đến 50% câu nói, khiến chúng ta có một lối phát biểu lai căng, rất lố bịch. Thái độ này có nhiều lý do: trước hết là vì làm biếng, không muốn tìm những từ thích hợp trong tiếng Việt, cứ dùng một cách bừa bãi những tiếng ngoại quốc trong câu nói; có thể người nói cho rằng lối phát biểu đó gần với lối nói của "giới trẻ" ở hải ngoại, để được dễ hiểu hơn; cũng rất có thể đó là một hình thức khoe khoang trình độ hiểu biết ngoại ngữ của mình...

Hiện tượng này lại có chiều hướng bành trướng tại một số nơi ở hải ngoại. Trong một số chương trình đại nhạc hội, nhiều người điều khiển chương trình có thói quen chêm

---

<sup>6</sup> "Từ" trong ngôn ngữ học là *đơn vị ngôn ngữ nhỏ nhất có nghĩa hoàn chỉnh*. Thông thường có thể gọi là "chữ", hoặc "tiếng", nhưng chính xác hơn, nên gọi là "từ".

một số lớn từ ngoại quốc hoàn toàn không cần thiết khi nói. Không cần thiết vì nhiều khi đó là những từ hết sức thông dụng, có những từ tiếng Việt hoàn toàn thích hợp có thể dùng. Việc chêm tiếng ngoại quốc trở thành một lối nói cầu kỳ, lai căng và lối bịch.

Các Trường Hướng Đạo Việt Nam cần nhận thức rằng việc duy trì văn hoá Việt Nam nơi các thế hệ trẻ là một việc làm hết sức quan trọng và cần thiết, vì vậy nên cố gắng sử dụng một lối nói mẫu mực khi dùng tiếng Việt.

### **5) Duy trì và bảo tồn văn hoá Việt Nam trong sinh hoạt hướng đạo**

Trong công tác giúp cho đoàn sinh quen với tiếng Việt, quen với truyền thống và văn hoá Việt Nam, Hướng Đạo Việt Nam không dùng những phương tiện giáo dục thông thường của nhà trường mà vẫn dùng phương pháp hướng đạo. Nghĩa là chúng ta không tổ chức những lớp học như một số cơ quan văn hoá, một số hội đoàn có thể làm, với bài vở, bảng đen...

Phương pháp của chúng ta là *giáo dục bằng hành động*, bằng thực hành.

Hướng Đạo Việt Nam có nhiều phương cách khi áp dụng phương pháp hướng đạo:

- dùng các chủ đề lịch sử trong các trò chơi lớn, trong khi sinh hoạt lửa trại: trước khi tổ chức trò chơi, Trưởng trình bày hoàn cảnh lịch sử làm bối cảnh cho trò chơi lớn, hoặc phân công đoàn sinh tìm tài liệu về một thời kỳ lịch sử; dàn dựng những vở kịch, những nhạc cảnh lấy đề tài trong lịch sử Việt Nam trong các buổi lửa trại...

- tập những bài hát bằng tiếng Việt, qua đó tập chép lại những lời bài hát bằng tiếng Việt, tập diễn tả bằng tiếng Việt qua những vở kịch ngắn...

- tổ chức những lễ hội theo truyền thống một làng tại Việt Nam nhân những dịp Tết, những ngày hội hè cổ truyền...

- dành một kỳ trại, hoặc là một ngày trong một kỳ trại cho một chủ đề lịch sử, để làm sống lại một tục lệ cổ truyền...

- tổ chức những cuộc đố vui trong khi họp hướng đạo về những đề tài liên quan đến lịch sử, địa lý, văn học Việt Nam...

- khuyến khích đoàn sinh đọc những bài ngắn bằng tiếng Việt, hay là một tác phẩm văn học rồi thuyết trình trước các bạn, góp ý kiến dựng lên những vở nhạc kịch ngắn...

- khuyến khích các em tìm hiểu những ca dao, tục ngữ bằng tiếng Việt, tổ chức những trò chơi tìm kiếm những tục ngữ có ý giống nhau giữa một tiếng ngoại quốc và tiếng Việt...

- thực hiện những tập san, báo tường bằng tiếng Việt hoặc song ngữ để khuyến khích đoàn sinh đọc rồi sáng tác những bài viết bằng tiếng Việt...

- tất nhiên, bước khởi đầu cần thiết là dùng một cách thường xuyên tiếng Việt trong khi sinh hoạt, để đoàn sinh quen dùng tiếng Việt không phải do những bài vở mà qua việc thực hành.

Còn có thể nghĩ ra nhiều hình thức sinh hoạt khác nữa. Các sinh hoạt trên không phải được tổ chức một cách tùy hứng, mà cần được trù liệu trước trong một chương trình hằng năm, hoặc nhiều năm, đi từ dễ đến khó. Cần được sự tham dự của đoàn sinh trong việc hoạch định chương trình và cần chú ý đến tích cách hấp dẫn của sinh hoạt để lôi cuốn sự tham dự của mọi người.

Điều cần thiết là thái độ của Trường. Cần chứng tỏ là Trường rất quan tâm và coi trọng việc bảo tồn truyền thống và văn hoá, từ đó mới có được những hoàn cảnh, điều kiện, một không khí cần thiết để giúp cho đoàn sinh tiếp nhận được một tinh thần tôn trọng di sản văn hoá Việt Nam.

.....